TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2018/HNGĐ-PT
Ngày: 05-11-2018
V/v tranh chấp chia tài sản sau khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lâm Văn Be.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Son;

Bà Phạm Thị Hồng Vân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Thái Thị Thúy Vân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu Sinh - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 36/2018/TLPT-HNGĐ ngày 24 tháng 9 năm 2018 về tranh chấp chia tài sản sau khi ly hôn.

Do Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 64/2018/HNGĐ-ST ngày 06 tháng 8 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2018/QĐ-PT ngày 02 tháng 10 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Phạm Thị G, sinh năm 1972; địa chỉ: Tổ 5, ấp T, xã S huyện T, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1967; địa chỉ: Tổ 4, khu phố 4, thị trấn TC, huyện T, tỉnh Tây Ninh là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 19 tháng 12 năm 2017); có mặt.

- *Bị đơn*: Ông Francois Tr, sinh năm 1964; địa chỉ: Tổ 5, ấp T, xã S, huyện T, tỉnh Tây Ninh; tạm trú tại: Tổ 3, ấp S, xã TH, huyện T, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín; người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D; chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Thanh B; chức vụ:Trưởng

phòng giao dịch huyện T.

Ông B ủy quyền lại cho ông Cao Minh M; chức vụ: Phó phòng giao dịch của Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín huyện T; Tòa án không triệu tập

2. Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam; người Đại diện theo quy định của pháp luật: Ông Trịnh Ngọc K; chức vụ: Chủ tịch Hội đồng thành viên.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Huỳnh Anh T; chức vụ: Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng Nông nghiệp huyện T, tỉnh Tây Ninh;

Ông T ủy quyền lại cho ông Đặng Minh S; chức vụ: Phó Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng Nông nghiệp huyện T, tỉnh Tây Ninh; Tòa án không triệu tập.

3. Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam; người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quyết T; chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trương Hoàng S; chức vụ: Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện T; Tòa án không triệu tập.

4. Anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1992; địa chỉ: Tổ 5, ấp T, xã S, huyện T tỉnh Tây Ninh; Tòa án không triệu tập.

5. Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1998; địa chỉ: Tổ 5, ấp T, xã S, huyện T tỉnh Tây Ninh; Tòa án không triệu tập.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn ông Ông Francois Tr.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:

Bà Phạm Thị G và ông Fancois Tr đã ly hôn theo Quyết định số 309/2017/QĐST-HNGĐ ngày 29-8-2017 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Tây Ninh. Trong quyết định thuận tình ly hôn về tài sản chung và nợ chung bà G và ông Tr tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết. Sau khi có Quyết định thuận tình ly hôn thì giữa bà và ông Tr không thống nhất được việc phân chia tài sản chung và nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân. Bà G khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung cũng như công nhận tài sản riêng của bà G như sau:

Về tài sản chung gồm có: Phần đất diện tích 250 m^2, thửa đất số 712, tờ bản đồ số 07, trên đất có 01 căn nhà cấp 4 chiều ngang 5 m, chiều dài 15 m, chưa tô, phần đất này được UBND huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H02876…55/QĐ-UB ngày 19-01-2009 do ông Tr, bà G đứng tên, đất tọa lạc tại tổ 5, ấp T, xã S, huyện T, tỉnh Tây Ninh hiện bà G đang ở và quản lý sử dụng; 01 chiếc xe Honda hiệu Future biển số 70R1 – 102.29 do ông Tr đứng tên trong giấy đăng ký xe, hiện ông Tr đang quản lý sử dụng.

Tài sản riêng của bà G gồm: Phần đất diện tích 450 m^2, thửa số 959, tờ bản đồ số 07 do UBND huyện T cấp cho bà Phạm Thị G ngày 16-8-2011. Phần đất diện tích 400 m^2 thửa số 645, tờ bản đồ số 07, do UBND huyện T cấp cho bà

Phạm Thị G ngày 05-7-2004; 02 phần đất tọa lạc tại ấp T, xã S, huyện T, tỉnh Tây Ninh. Hiện do bà G đang quản lý sử dụng.

Về nợ chung:

- Ngày 22-11-2016 vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam, chi nhánh huyện T số tiền 150.000.000 đồng, thời hạn 12 tháng.

- Ngày 11-01-2017 vay Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín, Phòng giao dịch T số tiền 200.000.000 đồng, thời hạn trả nợ đến ngày 11-01-2018.

- Ngày 19-4-2017 vay nợ xóa đói giảm nghèo của Ngân hàng chính sách xã hội, Phòng giao dịch huyện T, tỉnh Tây Ninh số tiền 50.000.000 đồng, thời hạn trả nợ đến ngày 19-4-2018.

Tổng số tiền nợ chung của vợ chồng là 400.000.000 (bốn trăm triệu) đồng.

Bà G yêu cầu chia tài sản chung, nợ chung chia đôi theo quy định của pháp luật. Hiện tại, bà G đã trả khoản nợ vay của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, chi nhánh huyện T và khoản nợ vay của Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín, chi nhánh T. Tổng số tiền vốn và lãi bà G đã trả là 387.188.595 đồng. Bà yêu cầu được nhận phần tài sản chung là phần đất diện tích 250 m^2 để quản lý, sử dụng. Ông Tr có trách nhiệm trả khoản nợ vay cho Ngân hàng Chính sách Xã hội, chi nhánh huyện T và trả lại phần tiền chênh lệch cho bà G. Yêu cầu Tòa án công nhận phần đất diện tích 450 m^2, thửa số 959, tờ bản đồ số 07 và phần đất diện tích 400 m^2 thửa số 645, tờ bản đồ số 07 là tài sản riêng của bà G.

Bị đơn ông Fancois Tr trình bày: Trong thời gian chung sống ông và bà G có những tài sản chung gồm:

- Phần đất diện tích 250 m^2 thửa đất số 712, tờ bản đồ số 07 tọa lạc tại ấp T xã S. Khi nhận chuyển nhượng thì trên đất có căn nhà cấp 4 chưa hoàn thành sau khi mua thì vợ chồng ông có tu sửa nhà, có làm hàng rào tường bao quanh nhà và đất, hiện nhà và đất này bà G đang quản lý sử dụng.

- Phần đất diện tích 450 m^2, thửa số 959, tờ bản đồ số 07 tọa lạc tại ấp T, xã S. Phần đất này do vợ chồng ông nhận chuyển của ông Đặng Công Th và bà Francois D, là anh rễ và chị ruột của ông Tr với giá 120.000.000 đồng. Do ông và bà G chưa đăng ký kết hôn, ông đang ở nhờ hộ khẩu của bà G nên không được đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Khi nhận chuyển nhượng trên đất đã có căn nhà gỗ, lợp mái tol. Sau đó, vợ chồng ông có tu sửa xây dựng thêm. Hiện tại do bà G đang quản lý sử dụng, diện tích đất này trị giá khoảng 350.000.000 đồng.

- Phần đất diện tích 400 m^2 thửa số 645, tờ bản đồ số 07 tọa lạc tại ấp T, xã S. Phần đất này trước đây là của bà G đã chuyển nhượng cho bà Phan Thị T vào năm 2008. Nhưng sau khi nhận chuyển nhượng bà T không làm thủ tục chuyển quyền được. Bà T khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện T, có kháng cáo. Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh giải quyết hủy hợp đồng mua bán giữa bà G và bà T yêu cầu bà G bồi thường cho bà T tổng số tiền 144.573.000 đồng, số tiền này là

ông Tr đưa cho bà G để trả cho bà T, cũng là số tiền mà ông Tr chuộc lại nhà và đất này. Sau đó, ông có tu sửa lại căn nhà, mua vật tư, đồ đạc trong nhà, có hóa đơn kèm theo. Đất và căn nhà trên đất trên trị giá khoảng 300.000.000 đồng. Hiện bà G đang cho người khác thuê để ở.

Ngoài ra còn có xe gắn máy và các vật dụng trong nhà gồm: Tủ thờ trị giá 17.000.000 đồng, tủ lạnh 7.000.000 đồng, tủ quần áo 5.000.000 đồng, két sắt 4.500.000 đồng, xe Ablack biển số 70K1- 07589 do anh C đứng tên. Phần này ông Tr chỉ trình bày không tranh chấp.

Tổng giá trị tài sản chung của vợ chồng ông khoảng 829.500.000 đồng (tám trăm hai mươi chín triệu năm trăm nghìn) đồng. Ông yêu cầu chia đôi số tài sản trên.

Về nợ chung ông thống nhất số nợ như bà G trình bày. Hiện nay, bà G đã trả nợ cho Ngân hàng nào và trả bao nhiêu thì ông không rõ, số tiền trả nợ cho Ngân hàng là tiền cá nhân của bà G xoay sở để trả sau khi ly hôn. Ông Tr chưa trả được khoảng vay nào. Về nợ chung ông yêu cầu chia đôi theo pháp luật.

Nếu giao hết tài sản cho bà G thì bà G có trách nhiệm trả toàn bộ số nợ cho các Ngân hàng và giao lại cho ông Tr 100.000.000 (một trăm triệu) đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín, Phòng giao dịch T, ông Cao Minh M trình bày:

Ngày 11-01-2017 ông Tr và bà G có vay Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín – Phòng giao dịch T số tiền 200.000.000 đồng, theo Hợp đồng tín dụng số: LD1700700205 ngày 11-01-2017, thời hạn trả nợ đến ngày 11-01-2018. Tài sản thế chấp là quyền sử dụng diện tích 250 m^2 do bà G và ông Tr đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Nay Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín, Phòng giao dịch T yêu cầu ông Tr và bà G trả số tiền nợ gốc và lãi phát sinh đến ngày 01-02-2018 của ông Tr, bà G là 207.591.850 đồng, cụ thể tiền gốc là 200.000.000 đồng, tiền lãi là 7.591.850 đồng. Nếu ông Tr và bà G không trả nợ, đề nghị được phát mãi tài sản thế chấp nêu trên để trả nợ theo quy định của pháp luật. Ngày 16-4-2018 Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín, Phòng giao dịch T có đơn rút đơn khởi kiện.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Chi nhánh huyện T, ông Đặng Minh S trình bày:

Ngày 23-11-2016 ông Tr, bà G có vay của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam Chi nhánh huyện T số tiền là 150.000.000 đồng, theo Hợp đồng tín dụng số: 5705LAV201605429, thời hạn trả nợ đến ngày 22-11-2017, tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất diện tích 400 m^2. Tính đến ngày 05-02-2018, ông Tr và bà G còn nợ Chi nhánh Ngân hàng Nông nghiệp huyện T số tiền gốc 150.000.000 đồng, lãi 19.457.083 đồng. Tổng cộng 169.457.083 đồng.

Nay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam Chi nhánh huyện T yêu cầu ông Tr và bà G có trách nhiệm trả nợ vay cho Ngân hàng số tiền 169.457.083 đồng và yêu cầu tính lãi, lãi quá hạn kể từ ngày 05-02-2018

cho đến khi ông Tr, bà G thanh toán xong toàn bộ khoản nợ theo quy định tại hợp đồng tín dụng đã ký kết. Ngày 03-5-2018 Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam Chi nhánh huyện T có đơn rút đơn khởi kiện.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam Phòng giao dịch huyện T, ông Trương Hoàng S trình bày:

Căn cứ vào sổ vay vốn và khế ước nhận nợ ngày 19-4-2017 với số tiền là 50.000.000 đồng đã ký giữa Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện T và bà G, ngày đến hạn cuối cùng là 19-4-2022. Nay ông Tr và bà G đang tranh chấp tài sản sau khi ly hôn nên Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam Phòng giao dịch huyện T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà G và ông Tr có trách nhiệm trả tiền gốc 50.000.000 đồng, lãi 542.466 đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn C, chị Nguyễn Thị H trình bày:

Anh C, chị H là con ruột bà G còn ông Francois Tr là ba dượng việc chia tài sản của bà G, ông Tr anh, chị không có ý kiến.

Tại Bản án sơ thẩm số 64/2018/HNGĐ-ST ngày 06 tháng 8 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Tây Ninh, quyết định:

Căn cứ các Điều 33, 59, 62 Luật Hôn nhân và gia đình, Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 146, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26, 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị G về việc yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng sau khi ly hôn đối với ông Francois Tr.

+ Bà Phạm Thị G được quản lý, sử dụng các tài sản gồm:

- 01 phần đất có diện tích 250 m^2 (theo đo đạc thực tế là 258,7 m^2), tại thửa số 712 (thửa mới 68), tờ bản đồ số 07 (tờ bản đồ mới là 29), giấy chứng nhận quyền sử dụng số H02876…55/QĐ-UB do UBND huyện T, tỉnh Tây Ninh cấp ngày 19-01-2009, đất tọa lạc tại ấp T, xã S, huyện T, tỉnh Tây Ninh; tứ cận: Đông giáp thửa số 69 của bà B dài 16,52 m + 35,20 m; Tây giáp đất của bà G dài 16,52 m + 35,26 m; Nam giáp đường nhựa 794 dài 5 m; Bắc giáp mương dài 5 m và 01 căn nhà tạm A có diện tích 52,5 m^2 (nhà cột gỗ tạp + gạch, nền gạch tàu, tường xây gạch, cửa sắt kính, kết cấu đỡ mái gỗ tạp, mái tole).

- 01 phần đất có diện tích 450 m^2 (theo đo đạc thực tế là 467,7 m^2), tại thửa số 959 (thửa mới 145), tờ bản đồ số 07 (tờ bản đồ mới là 29), giấy chứng nhận quyền sử dụng số CH39517 do UBND huyện T, tỉnh Tây Ninh cấp ngày 16-8-2011, đất tọa lạc tại ấp T, xã S, huyện T, tỉnh Tây Ninh; tứ cận: Đông giáp thửa số 712 (thửa mới 68) dài 16,52 m + 35,26 m; Tây giáp thửa 67 của ông H dài 16,52 m + 35,35 m; Nam giáp đường nhựa 794 dài 8,96 m; Bắc giáp mương dài 9,12 m.

- 01 phần đất có diện tích 400 m^2 (theo đo đạc thực tế là 413,2 m^2), tại thửa số 645 (thửa mới 108), tờ bản đồ số 07 (tờ bản đồ mới là 28), giấy chứng nhận

quyền sử dụng số 03119QSDĐ/55/QĐ-UB(H) do UBND huyện T, tỉnh Tây Ninh cấp ngày 05-7-2004, đất tọa lạc tại ấp T, xã S, huyện T, tỉnh Tây Ninh; tứ cận: Đông giáp thửa số 25 của bà T dài 15,60 m + 36,43 m; Tây giáp thửa 109 của bà L dài 15,95 m + 36,42 m; Nam giáp đường nhựa 794 dài 7,84 m; Bắc giáp mương dài 8,03 m.

+ Ông Francois Tr được quyền sở hữu 01 chiếc xe mô tô Future F1, hiệu HONDA có màu Nâu, vàng, đen; số khung: JC532XCY-010594, số máy: JC54E-0020182, biển số 70K1-102.29 trị giá: 16.167.000 (mười sáu triệu một trăm sáu mươi bảy ngàn) đồng.

Ông Francois Tr có trách nhiệm trả cho bà Phạm Thị G số tiền 119.552.981 (một trăm mười chín triệu năm trăm năm mươi hai ngàn chín trăm tám mươi một) đồng. Trả cho Ngân hàng Chính sách xã hội, Phòng giao dịch huyện T tổng số tiền 50.542.466 (năm mươi triệu năm trăm bốn mươi hai ngàn bốn trăm sáu mươi sáu) đồng; trong đó gốc: 50.000.000 đồng; lãi 542.466 đồng, lãi tính đến ngày 06/8/2018. Lãi được tiếp tục tính theo sổ vay vốn số 4800043461 và khế ước nhận nợ số 6600000710110005 ngày 19/4/2017.

Kể từ ngày bà G có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Tr không chịu nộp số tiền nêu trên, thì hàng tháng ông Tr còn phải chịu thêm số tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

2. Đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện độc lập của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam và Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng với ông Francois Tr và bà Phạm Thị G.

Ngoài ra, bản án còn quyết định về chi phí đo đạc, thẩm định giá tài sản, án phí; nghĩa vụ chậm trả; quyền, nghĩa vụ của các đương sự theo Luật Thi hành án dân sự và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 17-8-2018, bị đơn ông Francois Tr có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm yêu cầu cấp phúc thẩm chia lại phần tài sản chung. Tại phiên tòa phúc thẩm người kháng cáo là ông Francois Tr vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát trong quá trình giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Hội đồng xét xử tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ giai đoạn thụ lý đến khi giải quyết vụ án. Các đương sự chấp hành đầy đủ các quy định pháp luật trong quá trình tham gia tố tụng.

- Về nội dung: Tại phiên tòa phúc thẩm ông Francois Tr không cung cấp thêm được tài liệu, chứng cứ gì mới. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Francois Tr, căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét đơn kháng cáo của ông Francois Tr như sau:

[1] Tại tờ cam kết đề ngày 06-06-2011 do Francois Tr ký tên và có chứng thực của Ủy ban nhân dân xã S, huyện T, tỉnh Tây Ninh ông Tr xác nhận diện tích đất 450 m^2 bà G nhận chuyển nhượng của ông Th và bà Francois D, anh rễ và chị ruột của ông Tr là tài sản riêng của bà G, bà G toàn quyền định đoạt một mình, ông cam kết không có khiếu nại về sau. Tờ cam kết này là do ông hoàn toàn tự nguyện lập, không bị ai ép buộc, hoặc bị ràng buộc vì một lý do nào khác, cũng như không nhằm trốn tranh trách nhiệm dân sự, nếu có ông hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật. Do đó, ngày 16-8-2011 Ủy ban nhân dân huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH39517 do bà G đứng tên sử dụng đây là tài sản riêng của bà G.

[2] Tại bản án dân sự sơ thẩm số 37/2013/DS-ST ngày 16-7-2013 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Tây Ninh và bản án dân sự phúc thẩm số 224/2013/DSPT ngày 24-9-2013 của Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xác định diện tích đất 400 m^2 là của ông Nguyễn Văn H chồng của bà G chết vào ngày 31-12-2005 nên khối tài sản này trở thành di sản thừa kế của những người đồng thừa kế theo pháp luật của ông H trong đó có bà G. Tuy nhiên, ông Tr cho rằng ông đã bỏ ra số tiền 144.573.000 đồng để chuộc lại nhà đất giao cho bà G sử dụng nhưng không cung cấp được tài liệu chứng cứ để chứng minh Như vậy, diện tích đất 400 m^2 xác định là di sản thừa kế của bà Gấm chưa chia không phải là tài sản chung giữa bà G, ông Tr.

[3] Tài sản chung ông Tr, bà G thống nhất tạo lập trong thời kỳ hôn nhân bao gồm:

- Diện tích đất 250 m^2, thửa đất số 712, tờ bản đồ số 07, trên đất có 01 căn nhà cấp 4 chiều ngang 5 m, chiều dài 15 m, chưa tô, phần đất này được Ủy ban nhân dân huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H02876…55/QĐ-UB cho ông Tr, bà G ngày 19-01-2009, đất tọa lạc tại tổ 5, ấp T, xã S, huyện T tỉnh Tây Ninh hiện bà G đang ở và quản lý đất này.

- 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Future F1 biển số 70K1 – 102.29 do ông T đứng tên trong giấy đăng ký xe, hiện ông Tr đang quản lý sử dụng. Tổng giá trị tài sản chung ông bà thống nhất trị giá 130.190.000 đồng.

[4] Khi phân chia tài sản chung của bà G, ông Tr Tòa án cấp sơ thẩm có xem xét hoàn cảnh của hai bên, công sức đóng góp vào việc tạo lập, duy trì và phát triển khối tài sản chung, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của vợ, con chưa thành niên và chia mỗi người được hưởng 65.095.000 đồng là có căn cứ đúng quy định của pháp luật. Ông Francois Tr kháng cáo cũng không đưa ra được tình tiết mới làm thay đổi bản chất vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông Tr giữ nguyên bản án sơ thẩm như đề nghị của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa.

[5] Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông Francois Tr phải chịu án phí dân sự phúc thẩm 300.000 đồng theo quy định của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Những quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Francois Tr; Giữ nguyên Bản án sơ thẩm

Căn cứ các Điều 33, 59, 62 Luật Hôn nhân và gia đình, Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 146, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26, 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị G về việc yêu cầu chia tài sản sau khi ly hôn đối với ông Francois Tr và yêu cầu công nhận quyền sử dụng đất cho bà G.

2. Công nhận bà Phạm Thị G được quyền quản lý, sử dụng tài sản gồm:

- Quyền sử dụng đất diện tích đất 450 m^2 (đo đạc thực tế 467,7 m^2), thuộc thửa số 959 (thửa mới 145), tờ bản đồ số 07 (tờ bản đồ mới là 29), tọa lạc tại ấp T, xã S, huyện T, tỉnh Tây Ninh, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng số CH39517 do Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Tây Ninh cấp ngày 16-8-2011, tứ cận: Đông giáp thửa số 712 (thửa mới 68) dài 16,52 m + 35,26 m; Tây giáp thửa 67 của ông H dài 16,52 m + 35,35 m; Nam giáp đường nhựa 794 dài 8,96 m Bắc giáp mương dài 9,12 m là tài sản riêng của bà G.

- Quyền sử dụng đất diện tích 400 m^2 (đo đạc thực tế 413,2 m^2), thuộc thửa số 645 (thửa mới 108), tờ bản đồ số 07 (tờ bản đồ mới là 28), đất tọa lạc tại ấp T, xã S, huyện T, tỉnh Tây Ninh, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng số 03119QSDĐ/55/QĐ-UB(H) do Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Tây Ninh cấp ngày 05-7-2004; tứ cận: Đông giáp thửa số 25 của bà T dài 15,60 m + 36,43 m Tây giáp thửa 109 của bà L dài 15,95 m + 36,42 m; Nam giáp đường nhựa 794 dài 7,84 m; Bắc giáp mương dài 8,03 m là di sản thừa kế của bà G chưa chia.

3. Phân chia tài sản chung sau khi ly hôn của bà G và ông Tr tạo lập trong thời kỳ hôn nhân như sau:

+ Bà Phạm Thị G được nhận các tài sản gồm:

- Quyền sử dụng đất diện tích 250 m^2 (đo đạc thực tế 258,7 m^2), thuộc thửa số 712 (thửa mới 68), tờ bản đồ số 07 (tờ bản đồ mới là 29), tọa lạc tại ấp T, xã S, huyện T, tỉnh Tây Ninh theo giấy chứng nhận quyền sử dụng số H02876…55/QĐ-UB do Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Tây Ninh cấp ngày 19-

01-2009; tứ cận: Đông giáp thửa số 69 của bà B dài 16,52 m + 35,20 m; Tây giáp đất của bà G dài 16,52 m + 35,26 m; Nam giáp đường nhựa 794 dài 5 m Bắc giáp mương dài 5 m và 01 căn nhà tạm A có diện tích 52,5 m^2 (nhà cột gỗ tạp + gạch, nền gạch tàu, tường xây gạch, cửa sắt kính, kết cấu đỡ mái gỗ tạp mái tole).

+ Ông Francois Tr được nhận tài sản gồm:

- 01 chiếc xe mô tô Future F1, hiệu HONDA có màu nâu, vàng, đen; số khung: JC532XCY-010594, số máy: JC54E-0020182, biển số 70K1-102.29 trị giá: 16.167.000 (mười sáu triệu một trăm sáu mươi bảy ngàn) đồng.

- Ông Francois Tr có trách nhiệm trả cho bà G số tiền 119.552.981 (một trăm mười chín triệu năm trăm năm mươi hai ngàn chín trăm tám mươi một) đồng. Trả cho Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Tân Châu tổng số tiền 50.542.466 (năm mươi triệu năm trăm bốn mươi hai ngàn bốn trăm sáu mươi sáu) đồng; trong đó gốc: 50.000.000 đồng; lãi 542.466 đồng, lãi tính đến ngày 06-8-2018. Lãi được tiếp tục tính theo sổ vay vốn và khế ước nhận nợ ngày 19-4-2017.

Kể từ ngày bà G có đơn yêu cầu thi hành án, cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng ông Tr còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

4. Đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện độc lập của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông Việt Nam thôn Chi nhánh huyện T và Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín Phòng giao dịch huyện T về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng với ông Francois Tr và bà Phạm Thị G.

5. Về chi phí đo đạc, thẩm định giá: Bà G tự nguyện chịu chi phí đo đạc thẩm định giá. Ghi nhận đã nộp xong.

6. Về án phí:

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Phạm Thị G phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 3.254.700 (ba triệu hai trăm năm mươi bốn ngàn bảy trăm) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 1.625.000 đồng theo biên lai thu số 0024958 ngày 04 tháng 12 năm 2017 và 7.208.000 đồng theo biên lai thu số 0025606 ngày 11 tháng 6 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Tây Ninh; bà G được hoàn trả lại số tiền chênh lệch là 5.578.300 đồng (năm triệu năm trăm bảy mươi tám ngàn ba trăm) đồng.

Ông Francois Tr phải chịu án phí dân sự sơ thẩm chia tài sản là 3.254.700 đồng; 2.527.000 đồng án phí trả nợ cho Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội và 5.977.500 đồng án phí phải trả nợ cho bà G. Tổng số tiền án phí sơ thẩm ông Francois Tr phải chịu là 11.759.200 (mười một triệu bảy trăm năm mươi chín ngàn hai trăm) đồng.

Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Việt Nam Chi nhánh huyện T không phải chịu án phí; hoàn trả lại cho Ngân hàng Nông nghiệp và

phát triển Nông thôn Việt Nam Chi nhánh huyện T 4.236.000 đồng đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0025198 ngày 06-02-2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Tây Ninh.

Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín Phòng giao dịch huyện T không phải chịu án phí; hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín Phòng giao dịch huyện T 5.190.000 đồng đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0025206 ngày 12-02-2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Tây Ninh.

- Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Francois Tr phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0025907 ngày 20-8-2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Tây Ninh; ông Tr đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án được thực hiện theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Những quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- TAND Huyện T;
- THADS Huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Lâm Văn Be